TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2019/DSPT Ngày 04 - 11 - 2019 V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền;

Bà Trương Thị Lệ Thu

- Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Hải Thuần - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/10 /2019 (tuyên án ngày 04/11/2019), tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 13/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019; do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đối với Bản án dân sự sơ thẩmsố 07/2019/DS-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:***

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1952, địa chỉ: Xóm Bình Phúc, xã Lộc Yên, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- Ông Lê Văn B, sinh năm 1956, địa chỉ: Xóm Tân Đình, xã Lộc Yên, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- Ông Lê Văn S, sinh năm 1968, địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Hương Khê, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

**** Bị đơn***: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1970, địa chỉ: Xóm Tân Đình, xã Lộc Yên, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Phan Văn Chương, Văn phòng luật sư Văn Chương, Đoàn luật sư Hà Tĩnh, có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:

- Chị Lê Thị T, sinh năm 1970, địa chỉ: Xóm Tân Đình, xã Lộc Yên, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- Chị Lê Thị V, sinh năm 1975, địa chỉ: Số nhà 698, ấp Long Thành, huyện Cần Đước, tỉnh Long An. (Bà V vắng mặt, ủy quyền cho ông Lê Văn S).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 15/5/2018 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnhvà các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn ông Lê Văn H, Lê Văn B, Lê Văn S trình bày:

Mẹ các ông là bà Hồ Thị H1được UBND huyện H cấp cho thửa đất tại xóm 5 hợp tác xã Minh Sơn (nay là xóm Tân Đình), xã Lộc Yên, huyện H, Hà Tĩnh, diện tích 4.748$m^{2.}$.Sau khi bà qua đời, các ông đã họp thống nhất giao lại quyền sử dụng đất và tài sản cho ông S quản lý, sử dụng, trong đó có một phần làm nhà thờ họ và thờ cha mẹ. Trong thời gian chuẩn bị làm nhà thờ thì anh Nguyễn Xuân T (em rể) đề nghị mượn vườn ở tạm. Ông S đã đồng ý cho anh T mượn ở (có viết giấy cam kết mượn vườn) và thời hạn trả lại vườn là tháng 10/2002. Đến hạn, anh T không trả mà đã làm giả giấy tờ chuyển nhượng của mẹ vợ cho, sự việc đã bị chính quyền địa phương tiêu hủy. Sau đó anh T đã đập phá nhà thờ, dựng nhà, cơi nới trên đất để nhằm chiếm đoạt đất. Vụ việc đã được hòa giải nhiều lần tại chính quyền địa phương nhưng anh T không hợp tác.

Nay các nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu: Buộc anh Nguyễn Xuân T phải trả lại đất vườn cho ông H2, ông B, ông S và yêu cầu anh T phải di dời đi nơi khác, bàn giao mặt bằng cho các nguyên đơn được sử dụng.

Ngày 18/6/2019, các đồng nguyên đơn bổ sung nội dung khởi kiện yêu cầu chia thửa đất bà H1để lại cho năm người con sau khi giữ lại nguyên vị trí diện tích khuôn viên nhà thờ mà anh T đã phá hủy.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị T (vợ anh T) trình bày:

Chị Lê Thị T là con thứ 5 của ông Lê Văn H1và bà Hồ Thị C (tên tH1gọi là Hường). Chị T kết hôn với anh T năm 1993. Năm 1994, do bà Chung cần người nuôi dưỡng nên anh em đã bàn bạc thống nhất gọi vợ cH2 anh T, chị T về ở tại vườn của bà để nuôi bà. Anh em đã bàn bạc và giao cho vợ cH2 anh T về ở trên vườn bà. Từ đó gia đình anh T dồn hết sức phụng dưỡng bà. Ngày 02/01/1997, khi sức khỏe bà H1yếu đi, đã tổ chức cuộc họp mời các con trong gia đình và mời ông Lê Văn Loan – Bí thư xóm Tân Đình, xã Lviết biên bản. Tại cuộc họp, ông Loan viết chúc thư trên cơ sở thống nhất của các con giao toàn bộ vườn cho vợ cH2 anh T sử dụng và đóng các khoản thuế theo quy định. Sau khi viết xong giấy, bà H1đã lấy tờ giấy đó đi đến Uỷ ban nhân dân xã L xin chứng thực. Ngày 15/06/2014, vợ cH2 anh làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông S đứng ra tranh chấp, chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay vợ cH2 anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Thị T có đơn phản tố đề ngày 10/01/2019 (gửi ngày 11/4/2019)với nội dung:Khi bà Hồ Thị Chung già yếu đã tổ chức cuộc họp mời đầy đủ các con trong gia đình có người chứng kiến để viết giấy chuyển nhượng ruộng vườn cho vợ cH2 anh (đã được UBND xã xác nhận ngày 01/9/1997) tuy nhiên chưa làm được thủ tục chuyển nhượng đó là ý chí của bà H1nên đây là vụ án tranh chấp tài sản có di chúc, đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng thực tế.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Phan Văn Chương trình bày: Đề nghị Tòa án xử chấp nhận giấy chuyển nhượng vườn và chia thừa kế theo di chúc của bà Chung đúng theo quy định của pháp luật, bác đơn khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại Bản án số 07/2019/DS-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện H đã: Căn cứ khoản 5 Điều 166; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 1 Điều 163; Điều 164; Điều 166; Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 166; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 1, khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Ông Lê Văn H, ông Lê Văn B, ông Lê Văn S.

Án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 05/8/2019 các đồng nguyên đơn và chị Lê Thị V kháng cáo nhưng quá thời hạn quy định và không được chấp nhận theo Quyết định không chấp nhận kháng cáo quá hạn số 01/2019/QĐPT-DS ngày 26/8/2019.

Ngày 19/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh có Quyết định kháng nghị số 33/QĐKNPT-VKS-DS với 2 nội dung:

Về tố tụng: Cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện H và Uỷ ban nhân dan xã L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để làm rõ trên thực tế có việc anh Nguyễn Xuân T viết giấy mượn vườn không và vì sao Ủy ban nhân dân huyện H lại công nhận quyền sử dụng đất đai và sở hữu tài sản trên đất của cụ H1để lại cho ông S là bỏ sót người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ nhưng đã bác đơn khởi kiện là chưa đảm bảo.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị và sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, các bên đương sự đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy

Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện H.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh về phần tố tụng thấy rằng:

Căn cứ nội dung khởi kiện của các đồng nguyên đơn thì Ủy ban nhân dân huyện H và Ủy ban nhân dân xã Lkhông phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 BLTTDS. Thửa đất tranh chấp vẫn do bà Hồ Thị H1đứng tên chủ sử dụng đất, các đương sự không có tranh chấp về nguồn gốc đất do cha mẹ để lại, Ủy ban nhân dân huyện H chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho người khác. Việc Ủy ban nhân dân xã Lcó xác nhận trong "Giấy cam kết vườn ở" hay Uỷ ban nhân dân huyện H có công văn trả lời giải quyết đơn số 561/CV-UB ngày 03/11/2004 "thừa nhận quyền sử dụng đất ở và vườn ở theo giấy chứng nhận đã cấp cho bà Hồ Thị H1và các hồ sơ được Ủy ban nhân dân xã xác nhận chuyển quyền sử dụng về đất đai và sở hữu tài sản trên đất cho con trai bà Lê Văn S" không phải là căn cứ để đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tòa án có thẩm quyền xác minh tại Cơ quan quản lý đất đai địa phương để làm rõ nội dung vụ án chứ không cần phải đưa họ vào tham gia tố tụng mới có quyền xác minh, nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh cho rằng "Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân xã Lộc Yên, Ủy ban nhân dân huyện H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để làm rõ trên thực tế có việc anh Nguyễn Xuân T viết giấy cam kết mượn vườn của ông Lê Văn S hay không? Vì sao Ủy ban nhân dân huyện H lại công nhận quyền sử dụng đất đai và sở hữu tài sản trên đất của cụ H1để lại cho ông Lê Văn S" là không chính xác.

[2] Xét kháng nghị về phần nội dung:

Thửa đất đang tranh chấp là di sản của vợ cH2 cụ Hồ Thị H1(Hồ Thị Chung) để lại. Cụ H1có 5 người con (Lê Văn H, Lê Văn B, Lê Văn S, Lê Thị T, Lê Thị Vân).Biên bản họp phân chia tài sản chỉ có mặt 3 người con trai(Lê Văn H, Lê Văn B, Lê Văn S) tham gia thỏa thuận giao quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn S là không hợp pháp. Do đó, giấy mượn vườn ông Nguyễn Xuân T ký mượn ông S khi ông S chưa có quyền sử dụng hợp pháp thửa đất cũng không có căn cứ.Cụ H1cũng không có văn bản tặng cho tài sản cho ba người con trai. Hiện vợ cH2 người con thứ 5 (Vợ cH2 chị Lê Thị T, anh Nguyễn Xuân T) đang quản lý toàn bộ di sản này. Anh T, chị T trình bày cụ Hồ Thị Hườngđã viết chúc thư giao toàn bộ vườn cho vợ cH2 anh T, chị T, văn bản này đã được sự thống nhất của các thành viên trong gia đình, có người làm chứng và đã được xác thực

của Ủy ban nhân dân xã, trên cơ sở đó vợ cH2 anh T đã sử dụng và đóng thuế từ đó đến nay. Tuy nhiên phía bị đơn không xuất trình được bản gốc mà chỉ là tài liệu phô tô, khi chuyển nhượng không có ý kiến của các người con và năm 2006 trong quá trình giải quyết khiếu nại chính quyền địa phương cũng đã xác nhận giấy chuyển nhượng không hợp lệ, việc Ủy ban nhân dân xã Lxác nhận vào giấy chuyển nhượng là không đúng quy định.

Vì vậy di sản thừa kế chưa được chia mà thuộc quyền sử dụng chung của tất cả các người con đẻ thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ H1. Khi các nguyên đonkhởi kiện anh Nguyễn Xuân T, người đang quản lý di sản trả lại di sản thì phải khởi kiện cả yêu cầu chia di sản thừa kế vì bản thân người đang quản lý di sản là vợ cH2 chị T, anh T trong đó chị T cũng có quyền được hưởng di sản. Tòa án cấp sơ thẩm đã hướng dẫn và giải thích cho đương sự về việc thay đổi, bổ sung nội dung khởi kiệnlà đã làm đúng quy định tại Điều 193 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện về tranh chấp đất đai, căn cứ quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, Tòa án phải giải quyết vụ án theo nội dung khởi kiện của đương sự.

Về quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn đã cung cấp "Giấy cam kết mượn vườn" không có ngày tháng năm (có xác nhận của UBND xã Lvào ngày 26/12/2004) với nội dung: Anh Nguyễn Xuân T và chị Lê Thị T mượn đất vườn của ông Lê Văn S, thời hạn trả là tháng 10/2002. Theo trình bày của bị đơn thì cụ Hồ Thị Chung đã viết chúc thư giao toàn bộ vườn cho vợ cH2 anh T, chị T, văn bản này đã được sự thống nhất của các thành viên trong gia đình, có người làm chứng và đã được xác thực của UBND xã, trên cơ sở đó vợ cH2 anh T đã sử dụng vàđóng thuế từ đó đến nay.Về nhưng nội dung này Tòa án cấp sơ thẩm còn thiếu sót trong việc xác minh làm rõ. Những thiếu sót về việc thu thập tài liệu, chứng cứ của cấp sơ thẩm như kháng nghị của VKSND tỉnh là có cơ sở tuy nhiênvề đường lối giải quyết vụ áncấp sơ thẩm đã xác định đúng. Mặt kháctại phiên tòa phúc thẩm đã khắc phục được những thiếu sót đó, các đương sự đã được trình bày ý kiến làm rõ. Do đó cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện để đòi tài sản được thừa kế của mình *"kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền và nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"*(Điều 614 Bộ luật dân sự năm 2015), nhưng để đòi lại nguyên đơn cần phải được xác định phần di sản mình được hưởng, nghĩa là phải khởi kiện với 02 quan hệ tranh chấp "yêu cầu chia di sản thừa kế" và "tranh chấp quyền sử dụng đất", vì vậy việc nguyên đơn chỉ khởi kiện 01 quan hệ "tranh chấp quyền sử dụng đất" khi chưa được công nhận quyền sử dụng đất của mình là không có cơ sở để Tòa án chấp nhận, nên việc bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[3] Về án phí phúc thẩm: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh không phải chịu án phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:Bác kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ khoản 5 Điều 166; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 1 Điều 163; Điều 164; Điều 166; Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 166; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 2 Điều 11, điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 1, khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: ông Lê Văn H, ông Lê Văn B, ông Lê Văn S.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Lê Văn H, Lê Văn B, Lê Văn S phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm (đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004249 ngày 05/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H).

Án phí phúc thẩm: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh không phải nộp tiền án phí phúc thẩm.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ông Lê Văn H, Lê Văn B, Lê Văn S phải chịu 2.800.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và Định giá tài sản (Ông S đã nộp tạm ứng 4.000.000đ) nay được nhận lại 1.200.000đ.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện H;
- Chi cục THA.DS huyện H
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Đào